

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 1459 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong
đối với 18 đơn vị thanh niên tình nguyện được thành lập sau ngày 30/4/1975

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 của Bộ Nội vụ quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với các đơn vị chưa được xác nhận phiên hiệu;

Căn cứ Công văn số 678/BNV-CTTN ngày 14/02/2017, Công văn số 2746/BNV-CTTN ngày 25/5/2017, Công văn số 4302/BNV-CTTN ngày 19/8/2020 của Bộ Nội vụ về việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 55/TTr-SNV ngày 18/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đối với 18 đơn vị thanh niên tình nguyện được thành lập sau 30/4/1975 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan rà soát, xác minh, tổng hợp danh sách đội viên thanh niên xung phong của từng đơn vị để phục vụ cho công tác quản lý và giải quyết chế độ chính sách (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Lao động, Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ, Bộ LĐ, TB & XH (để báo cáo);
- Hội Cựu TNXP Việt Nam (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hội Cựu TNXP tỉnh;
- Lưu VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đâu Thanh Tùng

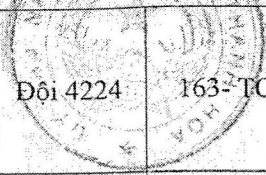


DANH SÁCH

18 đơn vị thanh niên tình nguyện được thành lập sau 30/4/1975 được xác nhận phiên hiệu
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1459/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Phiên hiệu Đơn vị	Quyết định thành lập/ giải thể/ điều động	Ngày ban hành Quyết định	Đơn vị được giao quản lý	Nhiệm vụ và địa bàn hoạt động	Thời gian hoạt động	C
1.	Đội 4212	2320- QĐ/UBTH	12/07/1976	Ty Giao thông vận tải	Làm đường 217, Hồi Xuân Pù Nhi, Quan Hóa sang Lào	3 năm (12/1976-12/1979)	
2.	Đội 4213	2320- QĐ/UBTH	12/07/1976	Ty Giao thông vận tải	Làm đường 217, Hồi Xuân, Quan Hóa	3 năm (12/1976-12/1979)	
3.	Đội 4214	2445- TC/UBTH	31/12/1976	Ty Lâm nghiệp	Làm đường lâm nghiệp phục vụ cho công tác trồng luồng và khai thác luồng tại Lang Chánh	3 năm (12/1976-12/1979)	
4.	Đội 4215	2445- TC/UBTH	31/12/1976	Ty Lâm nghiệp	Làm đường lâm nghiệp phục vụ cho công tác trồng luồng và khai thác luồng tại Lang Chánh	3 năm (12/1976-12/1979)	
5.	Đội 4216	54-TC/UBTH	14/1/1977	Chi cục Muối	Khai hoang, cải tạo đồng Muối ở xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia	3 năm (1/1977-1/1970)	

6.	Đội 4217	54-TC/UBTH	14/1/1977	Chi cục Muối	Khai hoang, cải tạo đồng Muối ở xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia	3 năm (1/1977-1/1978)
7.	Đội 4218	653-TC/UBTH	06/05/1977	Ty Thủy Lợi	Làm thủy lợi, tiêu úng, nạo vét kênh mương, nắn dòng chảy ngăn nước sông Lý, huyện Quảng Xương để phục vụ cho việc tưới, tiêu trong nông nghiệp	3 năm (6/1977-6/1980)
8.	Đội 4219	653-TC/UBTH	06/05/1977	Ty Thủy Lợi	Làm thủy lợi, đào mương, tiêu nước ngăn mặn, dò, phá bom nổ chậm của giặc Mỹ tại công Lạch Bạng xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia	3 năm (6/1977-6/1980)
9.	Đội 4220	653-TC/UBTH	06/05/1977	Ty Thủy Lợi	Làm thủy lợi, ngăn nước ở đập Sông Mực và hồ sông Mực, ngã ba Chuông, huyện Nông Công phục vụ cho làm Thủy Điện, Thủy Lợi	3 năm (6/1977-6/1980)
10.	Đội 4221	192-NC/UBTH	15/3/1978	UBND thị xã Thanh Hóa	Xây dựng cơ bản tại thị xã Thanh Hóa	3 năm (11/1977-11/1980)
11.	Đội 4222	99-TC/UBTH	02/03/1978	Ty Lâm nghiệp	Làm đường lâm nghiệp, trồng rừng tại nông Trường Sông Âm, huyện Thường Xuân	3 năm (2/1978-2/1981)
12.	Đội 4223	163-TC/UBTH	03/07/1978	Ty Thủy Lợi	Kè đập hồ Yên Mỹ	3 năm (3/1978-3/1981)



13.	Đội 4224	163-TC/UBTH	03/07/1978	Ty Thủy Lợi	Làm đường 15 phục vụ thủy lợi, kè đập Sông Mực tại huyện Nông Cống; tại xã Hóa Quý, huyện Như Xuân	3 năm (3/1978-3/1981)
14.	Đội 4225	163-TC/UBTH	03/07/1978	Ty Thủy Lợi	Làm đường thủy lợi Quảng Thạch, Thạch Thành; sau đó chuyển vào Lạch Bang, Tĩnh Gia.	3 năm (3/1978-3/1981)
15.	Đội 4226	163-TC/UBTH	03/07/1978	Ty Thủy Lợi	Đắp đập Thung Bàng, huyện Cẩm Thủy	3 năm (3/1978-3/1981)
16.	Đội 4227	163-TC/UBTH	03/07/1978	Ty Thủy Lợi	Làm thủy lợi đắp đập Cống Khê, chuyên Ngọc Lặc	3 năm (3/1978-3/1981)
17.	Đội 4228	163-TC/UBTH	03/07/1978	Ty Thủy Lợi	Hồ Yên Mỹ, sau đó được điều động làm đường Na Mèo	3 năm (3/1978-3/1981)
18.	Đội TNTN xây dựng xí nghiệp liên hợp hải sản Lạch Hói	461-TC/UBTH	05/05/1978	Ty Thủy Sản	Xây dựng cơ bản xí nghiệp hải sản Lạch Hói, thị xã Sầm Sơn	3 năm (5/5/1978-5/5/1981)